

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 28-02-2025

“V/v tranh chấp vay tài sản là vàng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liềm

2. Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2024/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp vay tài sản là vàng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2025 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông **Chương Văn D**, sinh năm 1964 (có mặt)

Bà **Thị T**, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Bà **Thị Ô**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2024 và bản tự khai của nguyên đơn ông **Chương Văn D** và bà **Thị T** trình bày:** Vào ngày 22/5/2005, bà **Thị Ô** có đến nhà ông **D**, bà **T** vay 05 (năm) chỉ vàng 24K₉, vàng loại 9 tuổi 8, với lãi suất thoả thuận 5phân/1 chỉ/1 năm. Hai bên có làm biên nhận vay vàng với nhau ngày 22/5/2005, hẹn một năm sẽ trả. Từ năm 2005 đến năm 2007 thì bà **Ô** có trả cho vợ chồng ông **D** tính ra vàng bằng 02 chỉ vàng 24k và bà **Ô** còn nợ lại 03 chỉ vàng đến nay không trả. Từ ngày bà **Ô** vay vàng đến nay đã gần 20 năm, vợ chồng ông có gặp bà **Ô** yêu cầu trả nợ vàng nhiều lần nhưng bà **Ô** không trả nên ông **D**, bà **T** khởi kiện đến Tòa án. Số vàng này do một mình bà **Ô** nợ

nên vợ chồng ông D chỉ yêu cầu bà Ô trả nợ.

Tại phiên tòa, ông Chương Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc một mình bà Thị Ô trả đủ một lần 03 (ba) chỉ vàng 24Kr loại vàng 9998 và không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, ông D không yêu cầu gì khác.

*** Tại bản tự khai ngày 24/12/2024 và tại phiên tòa bị đơn bà Thị Ô trình bày:** Vào năm 2005 bà thừa nhận có vay vàng của vợ chồng ông Chương Văn D, bà Thị Tsố vàng là 05 (chỉ) vàng 24Kr, loại vàng 9998. Khi vay hẹn một năm sau sẽ trả gốc và lãi cho ông D, bà T (lãi là 05 phân/01 chỉ/01 năm). Hai bên có làm giấy tay và bà lặn tay trong biên nhận đưa cho ông D giữ. Mục đích vay là để về chăn nuôi vịt nhưng do vịt chết hết nên bà không có khả năng trả đủ vàng cho ông D, bà T. Từ năm 2005-2007 bà có trả cho ông D, bà T được 02 chỉ vàng và từ đó đến nay bà không có trả thêm khoản nào, bà Ô xác định số nợ này là một mình bà tự chịu trách nhiệm trả.

Nay, ông D và bà T khởi kiện bà đến Tòa án yêu cầu bà phải trả số vàng còn nợ là 03 chỉ vàng 24k loại 9998 thì bà vẫn đồng ý trả nhưng hiện nay bà đã lớn tuổi không có làm gì có thu nhập chỉ sống bằng tiền của các con đi làm thuê cho nên bà không có đủ khả năng trả đủ một lần 03 chỉ vàng 24k cho vợ chồng ông D mà bà Ô xin trả dần mỗi năm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và quy ra vàng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, bà không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Chương Văn D, bà Thị T với bà Thị Ô là “Tranh chấp vay tài sản là vàng”. Bị đơn có địa chỉ tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Thị T với tư cách là nguyên đơn trong vụ án nhưng bà T có đơn xin xử vắng mặt gửi đến Tòa án nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Chương Văn D, bà Thị T yêu cầu bà Thị Ô có nghĩa vụ trả 03 chỉ vàng 24k (loại 9998), Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông D, bà Ô thống nhất xác định: vào ngày 22/5/2005 bà Thị Ô có vay của vợ chồng ông D, bà T số vàng 05 (năm) chỉ vàng 24Kr (loại vàng 9998), lãi suất thỏa thuận 5 phân/1 chỉ/1 năm. Khi vay hai bên có làm biên nhận đề ngày 22/5/2005, hẹn một năm trả. Từ năm 2005-2007 bà Ô có trả được

cho vợ chồng ông D tổng cộng được 02 chỉ vàng 24k, ngoài ra không trả thêm khoản nào. Ông D xác định bà Ô còn nợ 03 chỉ đến nay không trả nên ông D, bà T khởi kiện đến Tòa án. Quá trình hòa giải và cũng như tại phiên tòa bà Ô thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho ông D, bà T 03 chỉ vàng 24k (loại 9998) nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nên xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D, bà T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với bị đơn bà Ô thừa nhận còn nợ vợ chồng ông D, bà T số vàng 03 (ba) chỉ vàng 24Kr (loại vàng 9998) và bà Ô đồng ý trả nhưng bà Ô cho rằng hiện nay bà đã lớn tuổi không có làm gì có thu nhập chỉ sống bằng tiền của các con đi làm thuê cho nên bà không có đủ khả năng trả đủ một lần 03 chỉ vàng 24k cho vợ chồng ông D mà bà Ô xin trả dần mỗi năm 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) quy ra vàng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, ông D cho rằng phương thức trả nợ của bà Ô như vậy là kéo dài thời gian nên ông không đồng ý mà ông D yêu cầu bà Ô phải trả đủ một lần 03 chỉ vàng 24k nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét đối với nguyện vọng xin trả dần khoản nợ vàng của bà Ô.

[4] Về án phí dân sự có giá ngạch: căn cứ trên trang Web:<https://baomoi.com/gia-vang-ngay-28-2-2025> giá mua vào của 01 chỉ vàng 24k loại vàng 9998 bằng 8.779.000đồng, tính án phí như sau: 03 chỉ vàng x 8.779.000đồng x 5% = 1.316.850đồng buộc bà Thị Ô có nghĩa vụ phải nộp án phí nhưng xét bà Thị Ô là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ô được miễn nộp toàn bộ án phí.

Yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông D, bà T được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà vợ chồng ông D, bà T đã nộp là 1.000.000đồng theo biên lai thu tiền số 0006119 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, điểm a khoản 1 Điều 92, 147, khoản 1 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chương Văn D, bà Thị T.

Buộc: bà Thị Ô có nghĩa vụ phải trả cho ông Chương Văn D, bà Thị T 03 (ba) chỉ vàng 24Kv loại vàng 9998.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: bà Thị Ô có nghĩa vụ phải nộp án phí số tiền 1.316.850đồng (một triệu ba trăm mười sáu ngàn tám trăm năm mươi đồng) nhưng bà Thị Ô là người cao tuổi và bà có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận cho bà Ô được miễn nộp toàn bộ án phí.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà ông D, bà T đã nộp số tiền 1.000.000đồng(một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0006119 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 28/02/2025. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh